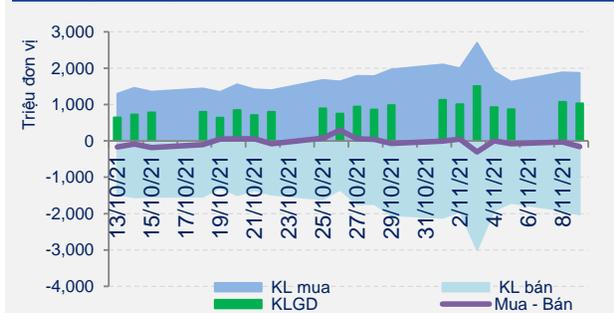


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 9/11/2021

| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,461.50      | 432.64      |
| % Thay đổi          | ↓ -0.41%      | ↑ 0.12%     |
| KLGD (CP)           | 1,030,268,558 | 159,270,145 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 29,987.42     | 4,409.04    |
| Tổng cung (CP)      | 2,024,022,500 | 215,674,100 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,865,903,200 | 193,339,000 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX     |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP)       | 50,500,600 | 926,383 |
| KL mua (CP)       | 46,419,300 | 591,383 |
| GT mua (tỷ đồng)  | 2,005.32   | 15.53   |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,997.53   | 17.24   |
| GT ròng (tỷ đồng) | 7.79       | (1.71)  |

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -0.43%   | 24.2 | 3.8 | 1.1%  |
| Công nghiệp         | ↑ 1.01%    | 23.3 | 3.1 | 14.3% |
| Dầu khí             | ↑ 0.18%    | 20.0 | 2.1 | 2.2%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -0.57%   | -    | 6.4 | 2.1%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 0.34%    | 17.9 | 2.6 | 0.7%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↓ -0.97%   | 23.5 | 4.2 | 10.7% |
| Ngân hàng           | ↓ -0.70%   | 11.6 | 2.3 | 17.8% |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -0.38%   | 12.4 | 2.9 | 15.3% |
| Tài chính           | ↑ 0.28%    | 19.8 | 3.4 | 33.9% |
| Tiền ịch Cộng đồng  | ↓ -2.23%   | 17.7 | 3.1 | 2.1%  |
| VN - Index          | ↓ -0.41%   | 17.3 | 3.0 |       |
| HNX - Index         | ↑ 0.12%    | 24.0 | 4.8 |       |

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, VN-Index giảm 6,07 điểm (-0,41%) xuống 1.461,5 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE nghiêng nhẹ về tiêu cực với 221 mã tăng, 51 mã tham chiếu, 253 mã giảm. HNX-Index tăng 0,54 điểm (+0,12%) lên 432,64 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 141 mã tăng, 61 mã tham chiếu, 109 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn xấp xỉ so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.147 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 32.319 tỷ đồng. Các cổ phiếu bất động sản, xây dựng tiếp tục là tâm điểm của thị trường khi thu hút dòng tiền và tăng mạnh, thậm chí một số cổ phiếu còn tăng trần như CEO (+9,5%), HDC (+7%), LDG (+6,6%)... Nhóm chứng khoán sau khi điều chỉnh trong phiên sáng đã hồi phục khá tốt trong phiên chiều như VND (+2,7%), VIX (+4,1%), TVB (+2,4%), CTS (+4,3%)... Nhóm ngân hàng phân hóa trong phiên hôm nay khi STB (+0,9%), CTG (+0,5%), MBB (+0,4%), LPB (+0,4%), HDB (+2,6%)... đóng cửa trong sắc xanh. Trong khi đó, SHB (-6,1%), VPB (-1,3%), MSB (-0,8%), OCB (-1,8%), VCB (-1,1%), BID (-2,1%), TPB (-0,9%)... là những mã giảm. Các cổ phiếu vật liệu xây dựng như thép (HPG (-0,5%), HSG (-0,9%), NKG (-1%), SMC (-0,8%), TVN (-0,5%), VGS (-0,5%), VIS (-0,8%)... hay xi măng (BCC (-2,4%), BTS (-2,3%), HT1 (-1%), HVX (-0,1%)...) giao dịch không thực sự tích cực khi đồng loạt giảm. Bộ đôi HAG (+6,8%), HNG (+1,7%) tiếp đà tăng mạnh và HAG có phiên tăng trần thứ 3 liên tiếp. Nhóm cổ phiếu bảo hiểm có phiên giao dịch tương đối tích cực với BVH (+2%), BMI (+3,8%), MIG (+1,1%), BIC (+1,4%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ (-0,4%) sau ba phiên tăng điểm liên tiếp với thanh khoản tiếp tục ở mức cao cho thấy áp lực chốt lời trong phiên hôm nay là tương đối mạnh nhưng lực cầu đối ứng vẫn là khá tốt giúp chỉ số VN-Index chỉ giảm nhẹ. Trên góc nhìn kỹ thuật, dư địa tăng của thị trường là vẫn còn với target của sóng tăng quanh ngưỡng 1.550 điểm có thể đạt được trong thời gian tới. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì thị trường có thể lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý quan trọng 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 10/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

9/11/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.474,2 điểm. Nhưng khi về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi xuống dưới ngưỡng tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.457,57 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 6,07 điểm (-0,41%) xuống 1.461,5 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS giảm 3.800 đồng, MSN giảm 4.200 đồng, VCB giảm 1.100 đồng. Ở chiều ngược lại, VHM tăng 600 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 434,91 điểm. Cũng có thời điểm trong phiên, chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 430,16 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,54 điểm (+0,12%) lên 432,64 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: L14 tăng 18.000 đồng, CEO tăng 1.300 đồng, SDA tăng 4.400 đồng. Ở chiều ngược lại, THD giảm 1.500 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 7,57 tỷ đồng. HPG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 172,9 tỷ đồng tương ứng với 3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 95 tỷ đồng tương ứng với 2,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DXG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 92,6 tỷ đồng tương ứng với 3,5 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1,71 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 335 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,3 tỷ đồng tương ứng với 557 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là IDJ với 1,4 tỷ đồng tương ứng với 21 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,1 tỷ đồng tương ứng với 71,8 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên. Điều này cho thấy áp lực chốt lời trong phiên hôm nay là tương đối mạnh nhưng lực cầu vẫn là đủ mạnh để nâng đỡ thị trường.

Chỉ số VN-Index đã chính thức vượt qua được vùng đỉnh cũ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Do đó chúng ta sẽ chuyển sang phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần với sóng 1 bắt đầu vào đầu năm 2009 ở quanh ngưỡng 240 điểm.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên điều chỉnh nhẹ hôm nay với thanh khoản tiếp tục ở mức cao thì có thể thấy là đây chỉ là một phiên điều chỉnh bình thường trên đà đi lên của thị trường chung và chỉ số VN-Index có thể tiếp tục hướng đến những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì có khả năng VN-Index sẽ cần lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 10/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.



## TIN TRONG NƯỚC

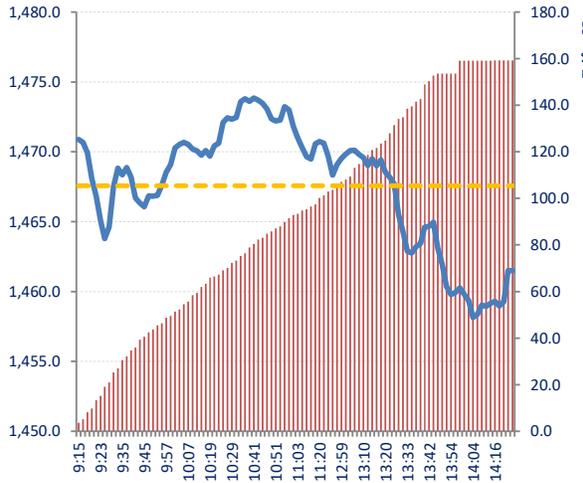
|                                      |   |
|--------------------------------------|---|
| <b>Giá vàng trong nước tăng</b>      | Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 58,6 - 59,2 triệu đồng/lượng, tăng 250.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 200.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay. |
| <b>Tỷ giá trung tâm giảm 14 đồng</b> | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng ngày 9/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.109 VND/USD, giảm 14 đồng so với hôm qua.   |

## TIN QUỐC TẾ

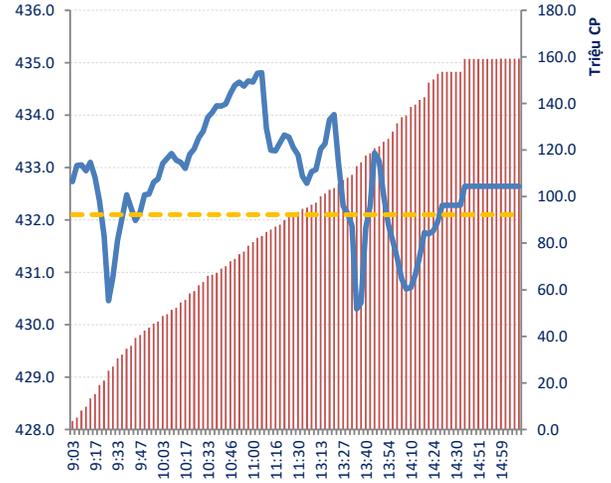
|  |   |
|--|---|
| <b>Giá vàng thế giới giảm</b>              | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,55 USD/ounce tương ứng với 0,03% xuống 1.827,5 USD/ounce.  |
| <b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>           | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,107 điểm tương ứng 0,11% xuống 93,938 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1591 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3594 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 112,84 JPY. |
| <b>Giá dầu thế giới tăng</b>               | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,65 USD/thùng tương ứng với 0,83% lên 82,61 USD/thùng.   |
| <b>Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều</b> | Kết thúc phiên giao dịch ngày 8/11, Dow Jones tăng 104,27 điểm tương đương 0,29% lên 36.432,22 điểm. Nasdaq tăng 10,77 điểm tương đương 0,02% lên 15.982,36 điểm. Nasdaq Composite tăng 4,17 điểm tương đương 0,09% lên 4.701,7 điểm.         |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

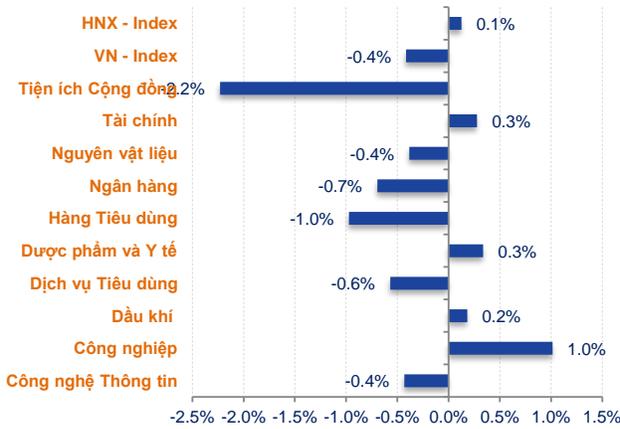
KLGD và VN-Index trong phiên



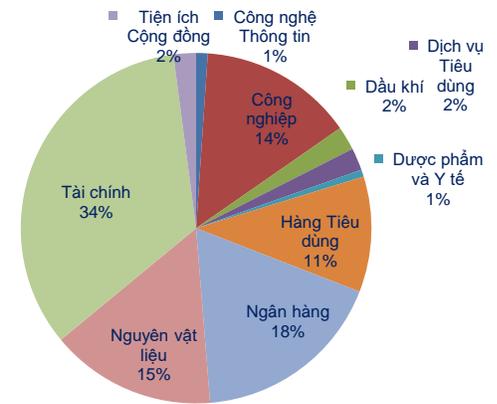
KLGD và HNX-Index trong phiên



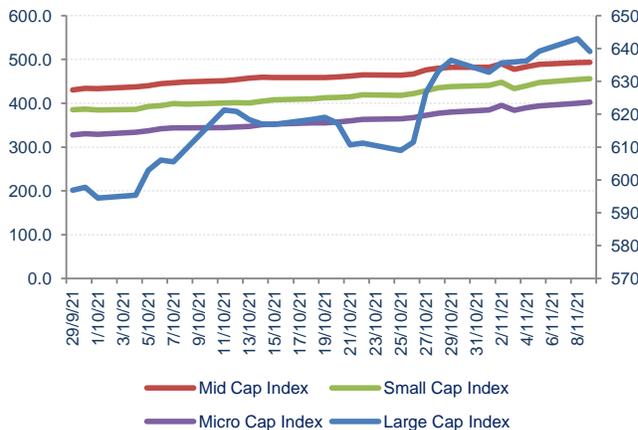
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



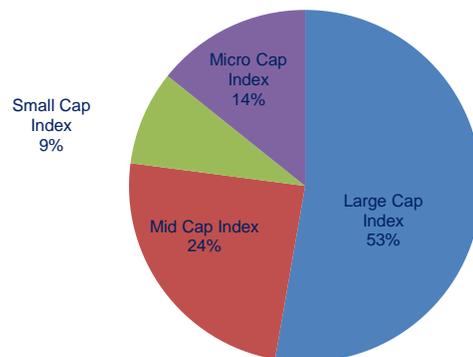
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | HPG   | 3,040,600   | DXG   | 3,465,700   |
| 2  | CTG   | 2,874,000   | GEX   | 1,678,400   |
| 3  | HDB   | 2,017,700   | SCR   | 1,249,600   |
| 4  | FLC   | 1,343,400   | SSI   | 1,132,300   |
| 5  | STB   | 1,276,500   | ROS   | 850,100     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | HUT   | 100,300     | CEO   | 557,100     |
| 2  | SHS   | 71,800      | SRA   | 50,000      |
| 3  | PVS   | 52,800      | IVS   | 49,900      |
| 4  | NSH   | 29,500      | AMV   | 21,200      |
| 5  | TVD   | 28,900      | IDJ   | 21,200      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HAG | 6.14       | 6.56     | ↑ 6.84%  | 45,006,400 |
| SHB | 31.00      | 29.10    | ↓ -6.13% | 32,009,200 |
| STB | 27.85      | 28.10    | ↑ 0.90%  | 26,753,000 |
| ITA | 8.99       | 9.40     | ↑ 4.56%  | 25,722,100 |
| HPG | 56.80      | 56.50    | ↓ -0.53% | 24,717,300 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| CEO | 13.70      | 15.00    | ↑ 9.49%  | 17,022,766 |
| PVS | 29.00      | 29.20    | ↑ 0.69%  | 11,013,837 |
| IDC | 92.10      | 94.50    | ↑ 2.61%  | 9,454,856  |
| KLF | 5.80       | 5.60     | ↓ -3.45% | 9,062,148  |
| SHS | 44.00      | 43.80    | ↓ -0.45% | 8,006,877  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| TTE | 10.00      | 10.70    | 0.70 | ↑ 7.00% |
| TN1 | 40.00      | 42.80    | 2.80 | ↑ 7.00% |
| L10 | 25.05      | 26.80    | 1.75 | ↑ 6.99% |
| HDC | 99.20      | 106.10   | 6.90 | ↑ 6.96% |
| DAG | 8.34       | 8.92     | 0.58 | ↑ 6.95% |

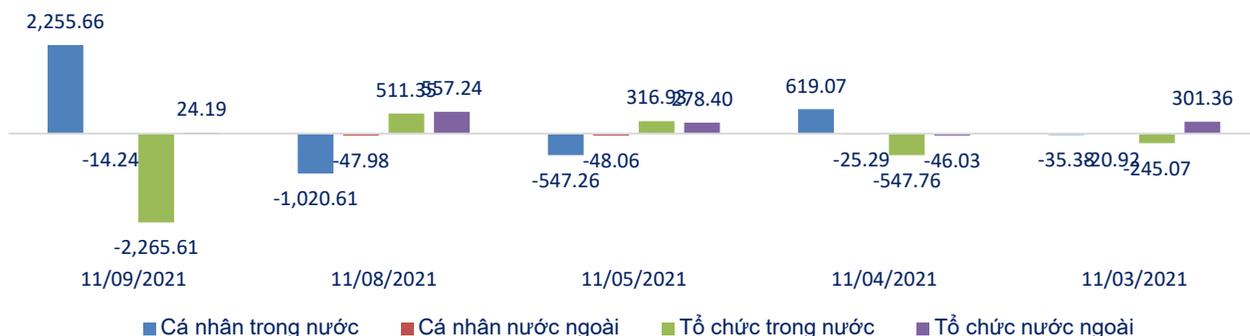
| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| VTJ | 6.00       | 6.60     | 0.60  | ↑ 10.00% |
| DP3 | 105.10     | 115.60   | 10.50 | ↑ 9.99%  |
| SDA | 44.20      | 48.60    | 4.40  | ↑ 9.95%  |
| PMB | 20.10      | 22.10    | 2.00  | ↑ 9.95%  |
| VXB | 23.20      | 25.50    | 2.30  | ↑ 9.91%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| SHB | 31.00      | 29.10    | -1.90 | ↓ -6.13% |
| SVI | 79.80      | 75.00    | -4.80 | ↓ -6.02% |
| CIG | 11.70      | 11.00    | -0.70 | ↓ -5.98% |
| SII | 17.40      | 16.55    | -0.85 | ↓ -4.89% |
| NVT | 11.50      | 11.00    | -0.50 | ↓ -4.35% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| BDB | 13.40      | 12.20    | -1.20 | ↓ -8.96% |
| SDN | 44.00      | 40.10    | -3.90 | ↓ -8.86% |
| STP | 11.40      | 10.60    | -0.80 | ↓ -7.02% |
| VC9 | 10.60      | 9.90     | -0.70 | ↓ -6.60% |
| PDC | 6.90       | 6.50     | -0.40 | ↓ -5.80% |

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE  | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|------|-------|------|-----|
| MSN | 200.69  | 8.4% | 2,032 | 74.8 | 5.5 |
| NVL | 172.69  | 7.9% | 2,083 | 50.2 | 3.8 |
| DXG | 171.27  | 7.5% | 1,406 | 18.4 | 1.2 |
| VIC | 156.80  | 2.9% | 1,111 | 85.4 | 2.2 |
| PAN | 148.49  | 3.4% | 1,009 | 34.1 | 1.1 |

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HDB | -40.85  | 20.7% | 2,813 | 9.6  | 1.8 |
| FLC | -39.70  | 13.1% | 1,967 | 6.7  | 1.0 |
| VCI | -32.97  | 24.5% | 3,456 | 21.0 | 4.6 |
| VCG | -32.23  | 6.8%  | 1,224 | 34.9 | 2.5 |
| BID | -27.14  | 12.0% | 2,484 | 17.7 | 2.1 |

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| FLC | 27.05   | 13.1% | 1,967 | 6.7   | 1.0 |
| HNG | 9.46    | 0.7%  | 51    | 165.4 | 1.1 |
| GEX | 9.21    | 8.6%  | 1,978 | 17.4  | 1.4 |
| CTI | 2.47    | 3.2%  | 787   | 23.3  | 0.8 |
| HCM | 1.96    | 19.2% | 2,790 | 15.8  | 2.8 |

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SCR | -18.47  | 5.5%  | 740   | 20.7 | 1.1 |
| STB | -6.23   | 11.1% | 1,864 | 14.9 | 1.6 |
| VHM | -6.16   | 38.3% | 8,968 | 9.2  | 3.0 |
| VRE | -5.09   | 7.2%  | 954   | 32.3 | 2.3 |
| KBC | -4.66   | 6.0%  | 1,561 | 31.5 | 1.9 |

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCG | 32.22   | 6.8%  | 1,224 | 34.9 | 2.5 |
| FLC | 21.95   | 13.1% | 1,967 | 6.7  | 1.0 |
| VHC | 20.46   | 14.7% | 4,396 | 15.2 | 2.1 |
| SSB | 16.36   | 16.9% | 1,874 | 20.1 | 3.1 |
| VRE | 16.32   | 7.2%  | 954   | 32.3 | 2.3 |

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HPG | -203.07 | 44.7% | 7,085 | 8.0  | 3.0 |
| PAN | -153.59 | 3.4%  | 1,009 | 34.1 | 1.1 |
| VHM | -117.81 | 38.3% | 8,968 | 9.2  | 3.0 |
| VIC | -116.54 | 2.9%  | 1,111 | 85.4 | 2.2 |
| STB | -112.47 | 11.1% | 1,864 | 14.9 | 1.6 |

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 176.10  | 44.7% | 7,085 | 8.0  | 3.0 |
| CTG | 97.26   | 18.1% | 3,439 | 9.5  | 1.6 |
| VHM | 92.55   | 38.3% | 8,968 | 9.2  | 3.0 |
| VCB | 57.52   | 20.4% | 5,696 | 17.2 | 3.3 |
| HDB | 54.36   | 20.7% | 2,813 | 9.6  | 1.8 |

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MSN | -96.40  | 8.4%  | 2,032 | 74.8 | 5.5 |
| DXG | -91.19  | 7.5%  | 1,406 | 18.4 | 1.2 |
| NVL | -79.58  | 7.9%  | 2,083 | 50.2 | 3.8 |
| GEX | -68.43  | 8.6%  | 1,978 | 17.4 | 1.4 |
| SSI | -48.56  | 16.5% | 2,045 | 21.8 | 2.6 |



## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE     | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------------|---------|---------|------|-----|
| HAG | 45,006,400 | -18.4%  | (1,220) | -    | 1.1 |
| SHB | 32,009,200 | 3250.0% | 2,427   | 12.8 | 2.1 |
| STB | 26,753,000 | 11.1%   | 1,864   | 14.9 | 1.6 |
| ITA | 25,722,100 | 1.5%    | 174     | 51.8 | 0.8 |
| HPG | 24,717,300 | 44.7%   | 7,085   | 8.0  | 3.0 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| CEO | 17,022,766 | -4.7% | (606) | -     | 1.1 |
| PVS | 11,013,837 | 4.6%  | 1,238 | 23.4  | 1.1 |
| IDC | 9,454,856  | 11.8% | 1,805 | 52.4  | 6.0 |
| KLF | 9,062,148  | 0.1%  | 6     | 954.4 | 0.6 |
| SHS | 8,006,877  | 25.5% | 3,143 | 14.0  | 2.1 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E     | P/B |
|-----|--------|-------|-------|---------|-----|
| TTE | ↑ 7.0% | 0.1%  | 8     | 1,311.9 | 1.0 |
| TN1 | ↑ 7.0% | 17.0% | 3,690 | 10.8    | 1.8 |
| L10 | ↑ 7.0% | 7.2%  | 1,833 | 13.7    | 1.0 |
| HDC | ↑ 7.0% | 26.2% | 3,957 | 25.1    | 6.2 |
| DAG | ↑ 7.0% | 0.8%  | 86    | 96.6    | 0.7 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|---------|--------|---------|-------|-----|
| VTJ | ↑ 10.0% | -23.8% | (2,182) | -     | 0.7 |
| DP3 | ↑ 10.0% | 29.4%  | 11,681  | 9.0   | 2.7 |
| SDA | ↑ 10.0% | 3.3%   | 243     | 181.6 | 6.0 |
| PMB | ↑ 10.0% | 15.1%  | 1,862   | 10.8  | 1.6 |
| VXB | ↑ 9.9%  | -13.8% | (979)   | -     | 3.9 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 3,040,600 | 44.7% | 7,085 | 8.0  | 3.0 |
| CTG | 2,874,000 | 18.1% | 3,439 | 9.5  | 1.6 |
| HDB | 2,017,700 | 20.7% | 2,813 | 9.6  | 1.8 |
| FLC | 1,343,400 | 13.1% | 1,967 | 6.7  | 1.0 |
| STB | 1,276,500 | 11.1% | 1,864 | 14.9 | 1.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|---------|------|-----|
| HUT | 100,300 | -9.9% | (1,066) | -    | 1.3 |
| SHS | 71,800  | 25.5% | 3,143   | 14.0 | 2.1 |
| PVS | 52,800  | 4.6%  | 1,238   | 23.4 | 1.1 |
| NSH | 29,500  | 3.7%  | 433     | 37.4 | 1.4 |
| TVD | 28,900  | 11.7% | 1,298   | 11.2 | 1.3 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 364,212 | 20.4% | 5,696 | 17.2 | 3.3 |
| VIC | 361,115 | 2.9%  | 1,111 | 85.4 | 2.2 |
| VHM | 358,800 | 38.3% | 8,968 | 9.2  | 3.0 |
| HPG | 254,062 | 44.7% | 7,085 | 8.0  | 3.0 |
| GAS | 235,416 | 16.9% | 4,384 | 28.1 | 4.7 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS    | P/E  | P/B  |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| THD | 82,495  | 25.2% | 4,694  | 50.2 | 14.3 |
| IDC | 28,350  | 11.8% | 1,805  | 52.4 | 6.0  |
| KSF | 20,340  | 8.8%  | 775    | 87.5 | 3.4  |
| VCS | 19,808  | 41.5% | 11,163 | 11.1 | 4.2  |
| BAB | 17,247  | 8.6%  | 979    | 23.4 | 1.9  |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| FTS | 2.62 | 22.7% | 3,584 | 20.1 | 4.1 |
| VIX | 2.36 | 37.3% | 4,197 | 6.7  | 1.6 |
| VDS | 2.33 | 31.0% | 3,666 | 10.2 | 2.6 |
| BSI | 2.29 | 17.7% | 2,241 | 18.8 | 3.1 |
| CTS | 2.23 | 19.5% | 2,677 | 13.0 | 2.3 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| APS | 3.30 | 22.8% | 1,836 | 24.1  | 3.9 |
| HBS | 3.19 | 1.2%  | 140   | 106.1 | 1.3 |
| ART | 2.97 | 0.3%  | 32    | 357.4 | 1.0 |
| PSI | 2.78 | 2.9%  | 300   | 60.9  | 1.7 |
| MBS | 2.69 | 17.0% | 1,989 | 20.1  | 3.5 |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---